

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HS-PT

Ngày: 10/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Huân

Ông Phạm Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 583/2019/HSPT ngày 16/12/2019 đối với các bị cáo **Nguyễn Trọng A và Lê Thành G** do có kháng cáo của Nguyễn Trọng A và Lê Thành G đối với bản án hình sự sơ thẩm số 184/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Trọng A, Giới tính: Nam; Sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 536/47/3 đường Âu Cơ, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: buôn bán. Con ông Nguyễn Văn D và bà Đoàn Thị Kim E; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: (Không có)

Bị tạm giữ từ ngày 29/7/2019 đến ngày 05/8/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/ Lê Thành G, Giới tính: Nam. Sinh năm 1997 tại tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: ấp 4, xã H, Thành phố K, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Con ông Lê Thành Tài và bà Bùi Thị Mỹ Lạnh; hoàn cảnh gia đình chưa có vợ con.

Tiền án: (Không có)

Tiền sự: Ngày 18/8/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong ngày 18/02/2019.

Bị tạm giữ từ ngày 29/7/2019 đến ngày 05/8/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng A:

Ông Phạm Văn Vũ - Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Trần Phạm và cộng sự, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại: Ông Hà P, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: 260/36 Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Trọng A và Lê Thành G, cùng với N và M (chưa rõ lai lịch) là những người đồng tính nam, bàn bạc với nhau đi trộm cắp tài sản. Để thực hiện hành vi A và N giả làm gái bán dâm, khi có khách đến mua dâm thì A và N đưa đến khách sạn để giả vờ bán dâm, sau đó lợi dụng sơ hở trộm cắp tài sản rồi đi ra ngoài để G chở đi tẩu thoát.

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 28/07/2019, Lê Thành G điều khiển xe mô tô biển số 59K1-350.50 chở Nguyễn Trọng A, còn M chở N đến ngã 3 đường QL22 đường Hoàng Tăng Bí, khu phố 5, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12 để chờ khách mua dâm. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, thì anh Hà P và anh Nguyễn Minh T đến gặp A và N thỏa thuận mua dâm với giá tiền là 300.000 đồng/1 lần. Sau đó, anh Hà P và anh Nguyễn Minh T đi cùng với A và N đến khách sạn Sơn Long, địa chỉ 167/2, tổ 8, khu phố 2, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12. Tại đây, anh Hà P và A thuê phòng 103 còn anh Nguyễn Minh T và N thuê phòng 104 để thực hiện hành vi “*mua bán dâm*”. Cùng lúc này, Lê Thành G điều khiển xe mô

tô biển số 59K1-350.50 cùng M chạy theo và đứng bên ngoài khách sạn để chờ khi đồng bọn thông báo sẽ đột nhập trộm cắp tài sản rồi chờ đồng bọn tẩu thoát.

Khi vào bên trong phòng 103 thì anh Hà P có để 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+ trên gối, còn bóp da thì cất giấu dưới nệm và đi tắm. Khi anh Hà P vào nhà tắm, A nhắn tin cho G biết việc anh Hà P có giấu bóp da dưới nệm. Sau đó, G lên phòng 103 lục tìm và lấy trộm bóp da bên trong có số tiền 220.000 đồng, còn A lấy trộm điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+. Sau đó, cả hai đi xuống lấy xe mô tô biển số 59K1-350.50 chờ nhau chạy thoát. Khi G chở A đến trước địa chỉ 250, đường Tô Ký, khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, thì bị tổ tuần tra Công an phường Trung Mỹ Tây, Quận 12 phát hiện nghi vấn đưa về trụ sở làm việc, thu giữ tang vật và lập hồ sơ chuyển Công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 xử lý.

Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Trọng A và Lê Thành G đã khai nhận toàn bộ nội dung nêu trên.

Riêng N sau khi vào phòng 104 thấy Nguyễn Minh T đi tắm nhưng không có tài sản nên bỏ đi. M và N hiện đã bỏ đi đâu không rõ.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 291/KLĐG ngày 30/7/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 12, kết luận chiếc Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+ có giá là 2.550.000 đồng, 01 bóp da nam, không đủ cơ sở để định giá.

Tài sản do A và G chiếm đoạt có giá trị 2.770.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7+ và 01 bóp da nam. Bên trong có số tiền 220.000 đồng. Cơ quan đã giao trả cho anh Hà P.

- 01 xe mô tô biển số 59K1-350.50, Cơ quan điều tra đã xác minh trả cho chủ sở hữu.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số imei: 355412573362293.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359475080798367.

Tại bản cáo trạng 177/CTr-VKS, ngày 07/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng A và Lê Thành G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án sơ thẩm số 184/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Trọng A** và **Lê Thành G** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1/ Xử phạt bị cáo **Lê Thành G** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2019 đến ngày 05/8/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

2/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng A** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2019 đến ngày 05/8/2019).

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 29/10/2019, bị cáo **Nguyễn Trọng A** có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 30/10/2019, bị cáo **Lê Thành G** có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại các tình tiết trong vụ án và xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Luật sư Phạm Văn Vũ bào chữa cho bị cáo A như sau:

Thống nhất với tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên việc định giá của Hội đồng định giá rất sơ xài vi phạm quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị cáo.

Bị cáo không gây mất an ninh trật tự tại địa phương do phạm tội ít nghiêm trọng và vụ án sau đó đã nhanh chóng bị khởi tố, chưa được cơ quan ngôn luận đăng báo nên nhận định của cấp sơ thẩm cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự tại địa phương là chưa thỏa đáng.

Mức hình phạt 6 tháng tù giam đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, chưa xem xét đầy đủ nhân thân, động cơ phạm tội và chính sách nhân đạo của Nhà nước. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia với vai trò đồng phạm có giới hạn, gia đình bị cáo khó khăn và bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 1 Bộ luật hình sự và một vài tình tiết giảm nhẹ quy

định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời người bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

Việc định giá của Hội đồng định giá đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Luật sư đề nghị áp dụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo A. Điều 65 Bộ luật hình sự quy định những điều kiện xem xét cho hưởng án treo chứ không phải bắt buộc cho hưởng án treo.

Các bị cáo khi phạm tội có sự phân công rõ ràng và bị cáo A là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý mức hình phạt phù hợp.

Luật sư cho rằng gia đình bị cáo khó khăn và bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh hoặc xác nhận của chính quyền địa phương nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đơn bãi nại của người bị hại mà Luật sư vừa cung cấp cho Hội đồng xét xử không có xác nhận chữ ký của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không có cơ sở để xác định đây có phải là đơn của bị hại hay không.

Luật sư Vũ tranh luận: Chữ ký và chữ viết trong đơn là của người bị hại. Hội đồng xét xử có thể đối chiếu với chữ ký và chữ viết của người bị hại trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm. Các bên không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác, có căn cứ để xác định rằng:

Do cần tiền tiêu xài, khoảng 23 giờ 15 phút ngày 28/7/2019 Nguyễn Trọng A và Lê Thành G đã bàn bạc với nhau để trộm cắp tài sản. Theo đó, A giả làm người bán dâm thỏa thuận cùng anh Hà P đến khách sạn Sơn Long để bán dâm. Lợi dụng lúc anh Hà P đi tắm, A và G đã trộm cắp tài sản của anh Hà P có giá trị 2.770.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do động cơ tư lợi, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, các bị cáo vẫn cố ý vi phạm.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo theo tội danh, điều luật như đã vừa nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về kháng cáo của bị cáo:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Riêng đối với bị cáo A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo A, bị cáo G có cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy chứng nhận của Bệnh viện Phạm M Thạch bị cáo bị bệnh lao phổi để xin được hưởng án treo. Đây là những tình tiết các bị cáo mới cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo. Tuy nhiên, xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể để cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 184/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12

Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Thành G** 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2019 đến ngày 05/8/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng A** 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2019 đến ngày 05/8/2019).

2/ Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - VKSND Quận 12; | (1) |
| - PC53-CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - Đường sự; | (2) |
| - Chi Cục THADS Quận 12; | (1) |
| - TAND Quận 12;; | (2) |
| - Công an Quận 12; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Lưu: THS, hồ sơ, VT (24). | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên